

Số: 33 /2016/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

SA
10/12/2016

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Xét Tờ trình số 9537/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 90/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) và ở thôn, tổ dân phố (gọi chung là ở thôn) như sau:

1. Chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã gồm 30 chức danh. Mức phụ cấp của từng chức danh được quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

2. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn gồm 08 chức danh. Mức phụ cấp của từng chức danh được quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

3. Đối với người hoạt động không chuyên trách theo các chức danh, mức phụ cấp quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này, được bố trí đảm nhiệm chức danh chính thức trong số lượng quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này (không tính trường hợp cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố); ngoài mức phụ cấp được hưởng, nếu có trình độ chuyên môn nghiệp vụ Trung cấp, Cao đẳng thì hàng tháng được hỗ trợ thêm bằng 0,2 mức lương cơ sở, nếu có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ Đại học trở lên thì hàng tháng được hỗ trợ thêm bằng 0,3 mức lương cơ sở.

Điều 2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Xã, phường, thị trấn loại 01 được bố trí tối đa không quá 22 người.

2. Xã, phường, thị trấn loại 02 được bố trí tối đa không quá 20 người.

3. Xã, phường, thị trấn loại 03 được bố trí tối đa không quá 19 người.

4. Việc xếp loại đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 05 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn và việc bố trí kiêm nhiệm, kiêm nhiệm bắt buộc đối với chức danh hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn cho từng đơn vị hành chính cấp xã và thôn.

Điều 3. Chế độ bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội

1. Thực hiện đóng bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế năm 2014.

2. Hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện bằng 0,03 mức lương cơ sở đối với

người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này (trừ những trường hợp đang được hưởng bảo hiểm y tế).

3. Thực hiện đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.

Điều 4. Mức phụ cấp kiêm nhiệm

Trừ các chức danh không được kiêm nhiệm theo quy định của pháp luật, cán bộ, công chức cấp xã, trí thức trẻ tình nguyện về công tác ở xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn trong số lượng quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này, nếu kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách khác thì được hưởng thêm phụ cấp kiêm nhiệm.

Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm của chức danh kiêm nhiệm có mức phụ cấp cao nhất; riêng trường hợp kiêm nhiệm chức danh Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra, Trưởng khối Dân vận, Người làm công tác ở Tổ chức Đảng ủy, Thủ quỹ và Chủ tịch Công đoàn thì vẫn hưởng cả mức phụ cấp kiêm nhiệm của 05 chức danh này, như sau:

1. Cán bộ, công chức cấp xã, trí thức trẻ tình nguyện về công tác ở xã nếu đã được bố trí vào 01 chức danh chính thức, đồng thời kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách mà giảm được 01 người trong số lượng quy định cho từng xã hoặc từng thôn thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

2. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, nếu kiêm nhiệm chức danh hoạt động không chuyên trách khác mà giảm được 01 người trong số lượng quy định cho từng xã hoặc từng thôn thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 70% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

3. Người kiêm nhiệm các chức danh Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra, Trưởng khối Dân vận, Người làm công tác ở Tổ chức Đảng ủy, Thủ quỹ và Chủ tịch Công đoàn được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng hệ số 0,3 mức lương cơ sở;

4. Người kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách cấp xã, ngoài số lượng quy định cho từng đơn vị hành chính cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 15% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

Điều 5. Chế độ nghỉ việc

1. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn nếu không thuộc đối tượng hưởng chế độ hưu trí, mất sức, khi nghỉ việc, nếu không vi phạm kỷ luật buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm thì được hưởng trợ cấp một lần, mức trợ cấp được tính cứ mỗi năm công tác bằng một phần hai ($\frac{1}{2}$) tháng phụ cấp của chức danh đảm nhận chính khi nghỉ việc. Đối với những chức danh người hoạt động không chuyên trách được cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương quy định chế độ trợ cấp nghỉ việc cao hơn mức quy định tại Nghị quyết

này thì hưởng theo mức cao hơn đó.

2. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn nếu trước kia đã là cán bộ, công chức trong số lượng quy định của Chính phủ được chuyển sang đảm nhận chức danh những người hoạt động không chuyên trách mà chưa được hưởng chế độ trợ cấp nghỉ việc, nay tiếp tục hoạt động không chuyên trách thì khi nghỉ việc, được cộng dồn thời gian công tác vào thời gian tính trợ cấp nghỉ việc theo Nghị quyết này.

3. Thời gian công tác có tháng lẻ để giải quyết chế độ nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

- Nếu thời gian công tác có tháng lẻ từ đủ 06 tháng đến dưới 01 năm được tính tròn 01 năm công tác;

- Nếu thời gian công tác có tháng lẻ từ đủ 03 tháng đến dưới 06 tháng được tính một phần hai (1/2) năm công tác;

- Nếu thời gian công tác có tháng lẻ dưới 03 tháng thì không tính.

Điều 6. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn

1. Đối với tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã:

a) Ban Thanh tra nhân dân cấp xã:

- Phường, thị trấn: 3.000.000 đồng/Ban/năm;

- Xã đồng bằng: 2.500.000 đồng/Ban/năm;

- Xã miền núi, vùng cao: 2.000.000 đồng/Ban/năm.

b) Ban Chấp hành Hội Người cao tuổi xã, Ban Tuyên giáo Đảng ủy xã: 1.500.000 đồng/Ban/năm.

c) Khối Dân vận cấp xã: 1.500.000 đồng/khối/năm.

2. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn:

a) Ban công tác Mặt trận thôn: 1.500.000 đồng/Ban/năm.

b) Chi hội Phụ nữ, Chi hội Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Nông dân: 2.400.000 đồng/Chi hội/năm.

3. Kinh phí hỗ trợ được chi cho các hoạt động sau:

a) Mua văn phòng phẩm phục vụ cho công tác;

b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

c) Hoạt động hội họp; công tác hòa giải; kiểm tra, giám sát các hoạt động theo chức năng của mỗi tổ chức;

d) Các khoản chi khác liên quan đến hoạt động của tổ chức.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết này do ngân sách cấp xã đảm nhận. Trường hợp ngân sách cấp xã không cân đối được, ngân sách cấp trên xem xét, bổ sung.

2. Căn cứ số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và ở thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc khoán quỹ phụ cấp và kinh phí hoạt động cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và ở thôn.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

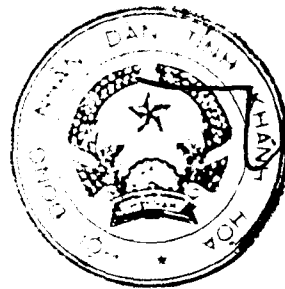
3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VI Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Lưu: VT, ĐN, TN.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuân



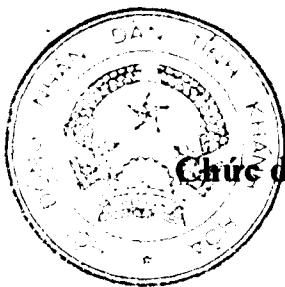
Phụ lục I

Chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33 /2016/NQ-HĐND
ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Chức danh	Mức phụ cấp (so với mức lương cơ sở)
1	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra (kiêm nhiệm bắt buộc)	0,3
2	Trưởng khối Dân vận (kiêm nhiệm bắt buộc)	0,3
3	Người làm công tác ở Tổ chức Đảng ủy (kiêm nhiệm bắt buộc)	0,3
4	Người làm công tác ở Ban Tuyên giáo Đảng ủy	1,0
5	Người làm công tác ở Văn phòng Đảng ủy	1,2
6	Phó Trưởng công an xã	1,2
7	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp xã	1,2
8	Người làm công tác giao thông - thủy lợi - xây dựng nông thôn mới (đối với xã) hoặc người làm công tác môi trường đô thị (đối với phường, thị trấn)	1,0
9	Người làm công tác lao động - thương binh và xã hội (đối với những đơn vị hành chính cấp xã chưa bố trí đủ 02 công chức văn hóa - xã hội)	1,0
10	Người làm công tác gia đình và trẻ em	1,0
11	Người làm công tác văn thư - lưu trữ	1,0
12	Người làm công tác tiếp nhận và trả kết quả	1,0
13	Người làm công tác bảo vệ rừng	1,0
14	Người làm công tác ở Đài truyền thanh	1,0
15	Người làm công tác quản lý Nhà văn hóa	1,0
16	Người làm công tác nội vụ - dân tộc - tôn giáo - thi đua - khen thưởng	1,0

TT	Chức danh	Mức phụ cấp <i>(so với mức lương cơ sở)</i>
17	Người làm công tác quản lý nông nghiệp (đối với những đơn vị hành chính cấp xã chưa bố trí đủ 02 công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường)	1,0
18	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	0,85
19	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	0,8
20	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0,8
21	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	0,8
22	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	0,8
23	Chủ tịch Hội Liên hiệp thanh niên	0,8
24	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,8
25	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0,8
26	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	0,7
27	Công an viên thường trực ở xã	0,9
28	Thủ quỹ (kiêm nhiệm bắt buộc)	0,3
29	Chủ tịch Công đoàn (kiêm nhiệm bắt buộc)	0,3
30	Nhân viên Thú y	1,0



Phụ lục II
Chức danh, mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách
ở thôn, tổ dân phố

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33 /2016/NQ-HĐND
ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Chức danh	Mức phụ cấp (so với mức lương cơ sở)
1	Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố	0,8
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố	0,9
3	Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố	0,7
4	Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn	0,8
5	Công an viên ở thôn	0,7
6	Thôn đội trưởng	0,5
7	Bảo vệ dân phố	
	Trưởng ban bảo vệ dân phố	0,7
	Phó Trưởng ban bảo vệ dân phố	0,56
	Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố	0,49
	Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố	0,42
	Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố	0,35
8	Nhân viên y tế thôn	
	Đối với thôn thuộc xã vùng khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền	0,5
	Các thôn còn lại	0,3